

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 22-5-2018

V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Tô Tiến Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLST-KDTM, ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V; địa chỉ: lô 30 – 32 – 34, đường số 3, khu công nghiệp T, phường T1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh Phương T, sinh năm 1991; cư trú tại: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20-12-2017), có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: lô A-1B1-CN, khu công nghiệp B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; cư trú tại: xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Huỳnh Phương T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (sau đây gọi tắt là công ty V) và công ty Trách nhiệm hữu hạn H (sau đây gọi tắt là công ty H) giao dịch mua bán hàng hóa là dây thun theo phương thức bên mua đặt hàng, bên bán giao hàng, xuất hóa đơn và yêu cầu bên mua thanh toán theo đơn đặt hàng và hóa đơn đã xuất tương ứng.

Vào ngày 05-6-2016 và 17-6-2016, thông qua email công ty Hotta đặt hàng công ty Paiho số lượng chi tiết như sau:

1. Dây thun màu đen, quy cách 25mm, số lượng 3000 (yards), đơn giá 3.351 đồng/yards = 11.058.300 đồng.

2. Dây thun quy cách, 25mm quy cách, số lượng 28.500 (yards), đơn giá 3.350 đồng/yards = 105.022.200 đồng.

Tổng giá trị hai đơn hàng là 116.080.800 đồng. Ngày 31.12.2016, công ty Hotta xác nhận còn nợ công ty Paiho số tiền 116.080.800 đồng.

Sau khi nhận hàng, công ty H thanh toán số tiền 45.000.000 đồng. Còn nợ lại 71.080.800 đồng.

Ngày 18-9-2017, công ty H đã thanh toán cho công ty V số tiền 24.080.000 đồng.

Ngày 11-01-2018, công ty V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với công ty H (do ngày 18-9-2017, công ty H đã thanh toán cho công ty V số tiền 24.080.000 đồng). Còn nợ lại số tiền 47.000.800 đồng. Công ty V chỉ yêu cầu công ty H thanh toán số tiền 47.000.800 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn công ty H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, công ty H không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của công ty V và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính

đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn công ty H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: công ty V khởi kiện công ty H về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa; công ty H có địa chỉ trụ sở chính tại lô A – 1B1 – CN, khu công nghiệp B, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 11-01-2018, công ty V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với công ty H về số tiền 24.080.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 24.080.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hợp đồng mua bán hàng hóa: Trong các ngày 05 và 17 tháng 6 năm 2016, công ty V và công ty H giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa là dây thun, thể hiện bằng phiếu đặt hàng các ngày 05 và 17 tháng 6 năm 2016. Phiếu đặt hàng được công ty H gửi cho công ty V qua email. Nội dung gồm mẫu mã, quy cách, số lượng, đơn giá cụ thể như sau:

Ngày 05-6-2016, công ty Hotta đặt hàng dây thun màu đen, quy cách 25mm, số lượng 3000 (yards), đơn giá 3.350 đồng/yards = 10.050.000 đồng (giá chưa bao gồm VAT 10%).

Ngày 17-6-2016, công ty H đặt hàng dây thun màu đen, quy cách 25mm, số lượng 28.500 (yards), đơn giá 0.15 USD/yards (giá chưa bao gồm VAT 10%, áp dụng tỉ giá USD/VND tại thời điểm thanh toán).

Ngày 28-6-2016, công ty V giao hàng và xuất hóa đơn số 0014846, số tiền là 11.058.300 đồng.

Ngày 28-7-2016, công ty V giao hàng và xuất hóa đơn số 0017086, số tiền là 105.022.500 đồng.

Ngày 17-01-2017, công ty H xác nhận bằng văn bản còn nợ công ty V số tiền 116.080.800 đồng.

Công ty H đã thanh toán cho công ty V hai lần cụ thể như sau:

Lần 1: nguyên đơn không xác định rõ ngày, chỉ nhớ sau khi chốt công nợ, và trước khi thanh toán lần 2 năm 2017 công ty H đã thanh toán cho công ty V số tiền 45.000.000 đồng.

Lần 2: ngày 18-9-2017, công ty H đã thanh toán cho công ty V số tiền 24.080.000 đồng.

Hiện công ty H còn nợ công ty V số tiền 47.000.800 đồng.

Những tình tiết này nguyên đơn trình bày và bị đơn không phản đối nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bên trong hợp đồng tự do giao kết. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Công ty V yêu cầu công ty H thanh toán tiền mua hàng còn thiếu là có căn cứ. Công ty V không yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty V đối với công ty H về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 24, 50 và 55 của Luật Thương mại năm 2005.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 217, Điều 227, Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 24, 50 và 55 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn V đối với bị đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn H về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho công ty Trách nhiệm hữu hạn V số tiền 47.000.800 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn V đối với bị đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn H về số tiền 24.080.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho công ty Trách nhiệm hữu hạn V 1.777.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002650 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải nộp 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết